

Số: 1273 /2015/BC-XNK

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2015

BÁO CÁO
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty hiện hành

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (Luật DN 2014);

Căn Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không ban hành kèm theo Quyết định số 2069/2013/QĐ-ĐHĐCĐ/XNK ngày 03/06/2013 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không,

HĐQT Công ty kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 Công ty CP XNK Hàng không xem xét, quyết định thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

1. Nội dung thay đổi Điều lệ:

a) Thay đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty được nêu chi tiết trong Phụ lục đính kèm Báo cáo;

b) Thay đổi các dẫn chiếu trong Điều lệ Công ty hiện tại tới các điều, khoản, điểm tương ứng với Luật DN 2014;

c) Thay đổi các điều, khoản, điểm trong Điều lệ Công ty cho phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty hiện hành.

2. Thời gian hiệu lực:

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty chính thức có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT; GD;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.



Đặng Xuân Cử



**PHỤ LỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

(Kèm theo Báo cáo số: 1273 /2015/BC-XNK ngày 21/04/2015)

HDQT trình ĐHCĐ thường niên năm 2015 của Công ty thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, chi tiết như sau:

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
			<i>(Đối với các phần tham chiếu đến các Điều trong điều lệ: thứ tự của Điều, Khoản, Điểm tham chiếu ... mà bị thay đổi thì phần tham chiếu cũng sẽ được thay đổi tương ứng).</i>	
1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ (Khoản 1: Điểm b, d)	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005. d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.	- Luật DN số 68/2014/QH13 - Khoản 8, Điều 4, Luật DN số 68/2014/QH13
2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty (Khoản 1)	1. Tên Công ty o Tên viết tắt: <u>AIRIMEX</u> .	1. Tên Công ty o Tên viết tắt: <u>AIRIMEX, JSC</u> .	- Thay đổi đúng theo nội dung trên Giấy chứng nhận ĐKDN của Công ty
3	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần (Khoản 1, 2; Điều lệ mới bổ sung Khoản 3, 4, 5, 6, 7)	1. <u>Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u> 2. <u>Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền</u>	1. <u>Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần.</u> 2. <u>Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được</u>	- Điều 126 Luật DN số 68/2014/QH13

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<u>nhân cổ tức, quyền nhân cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</u>	<p><i>bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</i></p> <p><i>3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.</i></p> <p><i>4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</i></p> <p><i>5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</i></p> <p><i>6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</i></p> <p><i>7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</i></p>	
4	Điều 11. Quyền của cổ đông (Khoản 2: Điểm a, đ, e, f; Khoản 3: Điểm b, d)	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp <u>tại Đại hội đồng cổ đông</u> hoặc thông qua đại diện <u>được uỷ quyền</u> hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo phương thức phù hợp được Công ty quy định; đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin <u>liên quan đến cổ đông</u> trong Danh sách cổ đông <u>đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông</u> và yêu cầu sửa đổi các thông	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện <u>theo uỷ quyền</u> hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo phương thức phù hợp được Công ty quy định. <u>Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</u> đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông <u>có quyền biểu quyết</u> và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	Điểm a, Khoản 1, Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13 Điểm đ, Khoản 1, Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>tin không chính xác;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, <u>sổ</u> biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. <u>Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản</u>, được nhận một phần tài sản còn lại <u>tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty</u> sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>;</p> <p>c. <u>Kiểm tra và nhân bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông</u>.</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu <u>phải thể hiện</u> bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số</u> Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký <u>kinh doanh</u> đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Điểm e, Khoản 1 Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điểm g, Khoản 1, Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 114 và Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>- Điểm b, Khoản 1, Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điểm d, Khoản 2, Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13</p>
5	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông (Khoản 1, 3)	<p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>3. <u>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo</u></p>	<p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần</p>	<p>Khoản 3 Điều 11. Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 1 Điều 11.</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<i>quy định;</i>	<i>cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;</i>	Luật DN số 68/2014/QH13
6	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông (Khoản 2; Khoản 3: Điểm c, đ; Khoản 4: Điểm a, b, c)	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc <i>ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</i></p> <p>đ. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 119 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều 13.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. <i>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</i> Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <i>Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>đ) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <u>Điều 160 Luật Doanh nghiệp</u> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm đ Khoản 3 Điều 13 <i>của Điều lệ này.</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 3, Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 160 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 4 Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p><i>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</i></p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p><i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.</i></p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p>	<p>Khoản 5 Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 6, Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p>
7	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Khoản 1: Điểm d; Khoản 2: Điểm k; Điểm m sang Điều lệ mới bỏ; Đổi Điểm n, o Điều lệ cũ thành Điểm m, n tương ứng của Điều lệ mới)</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>d. <u>Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty</u>.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>k. <u>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>được kiểm toán</u>;</p> <p>m. <u>Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội</u></p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p><i>d) Kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.</i></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>k) <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất <u>của Công ty</u>;</p> <p><i>(bỏ Điểm này cho phù hợp với Khoản 1 Điều 26 Điều</i></p>	<p>Điểm a, Khoản 2, Điều 136 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điểm d, Khoản 2, Điều 135 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 1, Điều 26</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p><u>đồng quản trị:</u></p> <p>n. Công ty <u>hoặc các chi nhánh của Công ty</u> ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <u>Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp</u> với giá trị bằng hoặc lớn hơn <u>20%</u> tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p><u>lệ Công ty)</u></p> <p>m) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>Điều lệ Công ty sửa đổi</p> <p>Khoản 1, Điều 16: Luật DN số 68/2014/QH13</p>
8	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền (Khoản 1)	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Tổ chức là cổ đông Công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.	Điểm b, Khoản 2, Điều 15 Luật DN số 68/2014/QH13
9	Điều 16. Thay đổi các quyền (Khoản 1)	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>65%</u> cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>75%</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện	Điều 144 Luật DN số 68/2014/QH13

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
10	Điều 17: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. (Khoản 2: Điểm a; Khoản 3; Khoản 4: Điểm b)	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. <u>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</u></p> <p>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp họp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được trưng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</u></p>	<p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) <u>Chuẩn bị, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>3. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</u></p> <p>b) <u>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ Công ty.</u></p> <p>c) <u>Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <p>d) <u>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Điểm c, khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</u></p>	<p>Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 139 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <i>năm phần trăm (5%)</i> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất <i>mười phần trăm (10%)</i> cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	Khoản 2 Điều 114 Luật DN số 68/2014/QH13
11	<p>Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Khoản 1, 2, 3; Bổ sung khoản 4 trong Điều lệ mới)</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp <u>không có đủ số lượng đại biểu cần thiết</u> trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập <u>lại trong vòng ba mươi ngày</u> kể từ ngày dự định <u>tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết</u> trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông <u>lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ</u> và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>2. Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này</u> thì trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập <u>lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày</u>, kể từ ngày dự định <u>họp</u> lần thứ nhất. <u>Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này</u> trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông <u>được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày</u>, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. <u>Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp</u> và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p>4. <u>Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Khoản 1, Điều 141 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 2, Điều 141 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 3, Điều 141 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 4, Điều 141 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
12	Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Khoản 4, 6)	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <u>còn lại</u> bầu một người trong số họ <u>làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển</u> để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp <u>trong số những người dự họp và người có phiếu bầu</u> cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều khiển Đại hội đồng cổ đông</u> bầu chủ tọa cuộc họp và người <u>có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p>	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <u>Hội đồng quản trị còn lại</u> bầu một người trong số họ <u>làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>điều khiển để Đại hội đồng cổ đông</u> bầu chủ tọa cuộc họp và người <u>có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>6. <u>Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</u> a) <u>Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</u> b) <u>Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</u> c) <u>Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</u></p> <p><u>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.</u></p>	<p>Điểm a, Khoản 2 Điều 142 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 8 Điều 142 Luật DN số 68/2014/QH13</p>
13	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ	<p>1. <u>Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số</u></p>	<p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>Điều 143, 144 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
	<p>đồng</p> <p>(Khoản 1, 2; Bổ sung Khoản 3,4,5,6,7,8 trong Điều lệ mới)</p>	<p><u>phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</u></p> <p><u>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</u></p> <p><u>b. Kế hoạch phát triển ngắn, dài hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;</u></p> <p><u>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành.</u></p> <p><u>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</u></p>	<p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này;</p> <p>5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc</p>	

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
			<p><i>Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</i></p> <p><i>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;</i></p> <p><i>7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p> <p><i>8. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:</i></p> <p><i>a) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</i></p> <p><i>b) Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i></p> <p><i>c) Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp</i></p>	

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
			<i>áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</i>	
14	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Khoản 1, 2; Khoản 3: Điểm a, c, d, đ; Khoản 4; Khoản 5: Điểm a, b, c, đ, e; Khoản 6, 8)</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</u></p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <u>tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</u> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty <u>với tất cả các nội dung ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này;</u></p> <p>2. <u>Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <u>số Thẻ căn cước công dân,</u> Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; <u>tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</u> số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Điều 145 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Để đảm bảo phù hợp với quy định của Khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty được sửa đổi</p> <p>Khoản 2 Điều 145 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 3 Điều 145 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <i>quyết định</i>;</p> <p>đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến <i>đối với từng vấn đề lấy ý kiến</i>;</p> <p>4. <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</u></p> <p><u>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</u></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh</i>;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua <i>quyết định</i>;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>đ. Các <i>quyết định</i> đã được thông qua;</p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị,</p>	<p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>đ) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị,</p>	<p>Khoản 4 Điều 14: Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 5 Điều 14: Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>và của người giám sát kiểm phiếu;</u></p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị <u>và người giám sát kiểm phiếu</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. <u>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</u></p> <p>8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất <u>75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</u> chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>người đại diện theo pháp luật của Công ty <u>người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;</u></p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. <u>Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</u></p> <p>8. <u>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được thông qua tỷ lệ tương ứng nêu tại Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p>	<p>Khoản 6 Điều 145 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 4 Điều 144 Luật DN số 68/2014/QH13</p>
15	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Bổ sung Khoản 1 trong Điều lệ mới; Nội dung của Điều 22 Điều lệ cũ chuyển thành Khoản 2 Điều lệ mới)</p>	<p><u>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>1. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 146 Luật doanh nghiệp.</u></p> <p>2. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</u></p> <p>3. <u>Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p> <p><u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).</u></p>	<p>Điều 146 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
			<i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i>	
16	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Khoản 1, 2)	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành</u> có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <u>cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này</u> , có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp <u>và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u> không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp</u> . 2. <u>Nội dung nghị quyết</u> vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Điều 147 Luật DN số 68/2014/QH13 và để phù hợp với Khoản 3 Điều 11 Điều lệ Công ty được sửa đổi Khoản 1 Điều 147 Luật DN số 68/2014/QH13 Khoản 1 Điều 147 Luật DN số 68/2014/QH13
17	Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (Khoản 1)	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị năm (05) người. <u>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị năm (05) người. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</u> Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Khoản 2 Điều 150 Luật DN số 68/2014/QH13
18	Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị (Khoản 3: Điểm g; Khoản 4: Điểm c. Điều lệ mới bổ sung Điểm k).	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: g. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: g) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do</u>	Điểm i Khoản 2 Điều 149 Luật DN số 68/2014/QH13

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p><u>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh không vượt quá năm trăm triệu đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư không vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm đối với các khoản đầu tư khẩn cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi quyết định các trường hợp nêu trên phải đảm bảo được mục tiêu đầu tư có hiệu quả, không làm ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty. Sau khi quyết định đầu tư, Hội đồng quản trị Công ty phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất;</u></p>	<p><i>Điều lệ Công ty quy định.</i> Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); <i>quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</i></p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; <i>quyết định thời hạn và thủ tục</i> chi trả cổ tức <i>hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</i></p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c) Trong phạm vi quy định tại <u>Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp</u> và trừ trường hợp quy định tại <u>Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp</u> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh);</p> <p><i>e. Hội đồng quản trị có quyền quyết định các khoản đầu tư trong phạm vi tổng ngân sách đầu tư bằng hoặc nhỏ hơn 110% kế hoạch hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc quyết định đầu tư phải đảm bảo mục tiêu đầu tư có hiệu quả và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất trong trường hợp vượt 10% tổng kế hoạch đầu tư hàng năm đã được ĐHCĐ thông qua.</i></p> <p><i>k. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và tuân thủ quy định tại Khoản 2, Khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Điểm o Khoản 2 Điều 149 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 2 Điều 149; Khoản 3 Điều 162 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Đề xuất sửa đổi theo thực tế yêu cầu sản xuất kinh doanh</p> <p>Điều 162 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
19	Điều 26: Chủ tịch Hội đồng quản trị Khoản 5 (thêm mới)		5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	Khoản 4 Điều 152 Luật DN số 68/2014/QH13
20	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (Khoản 1, 2; Khoản 3: Điểm a, b, c; Khoản 4, 8, 9; Bỏ khoản 11, 12, 13; Nội dung Khoản 11, 12, 13 được ghép vào Khoản 8 trong Điều lệ mới)	<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý khác;</p> <p>b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Khoản 1 Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 153, 154 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>c. <u>Ban kiểm soát.</u></p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <u>muội lăm ngày</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>ít nhất năm ngày</u> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rừ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p>	<p>c) <u>Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</u></p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <u>07 ngày làm việc</u> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <u>chậm nhất 03 ngày làm việc</u> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bu rừ điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</i></p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <u>dự họp. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành</u></p>	<p>Khoản 4 Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 5 Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 6 Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 7 Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Khoản 10, Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn <i>mười lăm ngày</i> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p><i>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</i></p> <p><i>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</i></p> <p><i>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</i></p> <p><i>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</i></p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p><i>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</i></p>	<p><i>viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Địa điểm cuộc họp Hội đồng quản trị là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện</p> <p>Các quyết định, nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này.</p>	<p>Khoản 9, Điều 153 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>(Khoản 11, 12, 13 bỏ. Nội dung tại Khoản 11, 12, 13 được ghép vào Khoản 8)</p>

34
TỶ
N
KH
NG
P.H

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p><u>được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</u></p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>Điểm a và Điểm b</u> Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p><u>14.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản</p>	<p>9. Biểu quyết.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. <i>Đồng thời các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty thực hiện công khai lợi ích theo Điều 159, luật doanh nghiệp.</i></p> <p>11. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt <i>hoặc có thể lập bằng tiếng nước ngoài</i> và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của</p>	<p>- Khoản 4, Điều 35 Điều lệ Công ty sửa đổi</p> <p>- Điều 159 Luật DN 2014 số 68/2014/QH13</p> <p>- Điều 154 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. <i>Biên bản Hội đồng quản trị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p><i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i></p> <p><i>b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</i></p> <p><i>c. Thời gian, địa điểm họp;</i></p> <p><i>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</i></p> <p><i>đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</i></p> <p><i>e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</i></p> <p><i>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i></p> <p><i>h. Các vấn đề đã được thông qua;</i></p> <p><i>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</i></p> <p><i>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p>	
21	<p>Điều 31. Thư ký Công ty (Khoản 1, 2, 3, 4, 5)</p>	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. <u>Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</u></p> <p>1. <u>Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</u></p>	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. <u>Thư ký Công ty các quyền và nghĩa vụ sau đây:</u></p> <p>1. <u>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</u></p> <p>2. <u>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực</u></p>	<p>Khoản 5 Điều 152 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
		<p>2. <u>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</u></p> <p>3. <u>Làm biên bản các cuộc họp;</u></p> <p>4. <u>Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;</u></p> <p>5. <u>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</u></p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</i></p> <p>3. <i>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;</i></p> <p>4. <i>Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</i></p> <p>5. <i>Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.</i></p> <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
22	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>(Khoản 1; Bổ sung Khoản 6, 7 trong Điều lệ mới)</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. <u>Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></p> <p><u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban.</u> Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên, <i>nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</i> Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và <u>đảm bảo quy định tại Điều 163, Điều 164 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p><u>Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</u> Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán và <u>đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2, Điều 163 Luật doanh nghiệp.</u> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>6. <u>Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>7. <u>Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên:</u></p> <p>a) <u>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 	<p>Điều 163, 164 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 168 Luật DN số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 169 Luật DN số 68/2014/QH13</p>

TT	Chương, Điều, Điểm, Khoản	Nội dung tại Điều lệ Công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung	Căn cứ thay đổi
			<p>06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Có đơn từ chức và được chấp thuận.</p> <p>b) Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>- Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
23	Điều 33. Ban kiểm soát (Khoản 1)	1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	1. Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165, Điều 166, Điều 168 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Ban Kiểm soát như sau:	Điều 165, 166, 168 Luật DN số 68/2014/QH13
24	Điều 52. Ngày hiệu lực (Khoản 1)	1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 53 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không nhất trí thông qua ngày 29 tháng 05 năm 2013, tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này (Điều lệ này thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không thông qua ngày 26/05/2011).	1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 53 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2015, tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 (Điều lệ này thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không thông qua ngày 29/5/2013).	Thời điểm ĐHCĐ TN năm 2015 của Cty thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; thời điểm Luật DN số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành.
25	Điều 53. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty	Điều 53. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty.	Điều 53. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty. (Họ và tên, chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không thực tế ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty kết thúc).	Theo kết quả bầu cử thay thế 01 TV HĐQT Công ty tại phiên họp ĐHCĐ TN 2015 và số TV HĐQT của Công ty còn đương nhiệm ngay sau khi kết thúc ĐHCĐ TN 2015 của Công ty).

***. Ghi chú:**

Các nội dung được thông qua tại Nghị quyết ĐHCĐ thường niên của Công ty năm 2015 mà Điều lệ Công ty hiện hành chưa phù hợp thì Điều lệ sửa đổi sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các nội dung này.